

Số: 187/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp,
Trung cấp nghề, cao đẳng nghề
Kỳ thi tháng 4/2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-LTT-ĐT ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Kiện toàn Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp khóa 18T2 (1N3T); 18T5 (1N); 18T6 (1N3T); 17T4 (9+3); 19T5 (1N) và các khóa Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề thi lại Năm học 2019 -2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề cho các khóa cũ thi lại tốt nghiệp ngày 05 tháng 3 năm 2020;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 92 học sinh các khóa cũ đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Học sinh còn nợ các khoản phí được dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề. Học sinh không hoàn tất các khoản phí còn nợ sẽ không được công nhận kết quả thi tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề.

Điều 4. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Chu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Châu văn Bảo



**DANH SÁCH HỌC SINH CÁC KHÓA CỬ ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP, TRUNG CẤP NGHỀ, CAO ĐẲNG NGHỀ
KỲ THI THÁNG 4/2020**

(Kèm theo Quyết định số: 187/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 3 năm 2020
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
								C.trị	LT	TH	
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG											
1	16002453	Lê Hùng Minh	Huy	06/9/1996	TP. HCM		16TCT-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
2	16000675	Trần Quốc	Khánh	05/9/1998	TP. HCM		16TCT-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
3	16000649	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/5/1998	TP. HCM		16TCT-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
4	16003655	Cao Hồng	Phúc	24/3/1996	TP. HCM		16TCT-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
5	16003442	Nguyễn	Mạnh	10/9/1998	Bình Định		16TCT-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
CNKT NHIỆT - CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LẠNH											
6	15000311	Bành Thanh	Tân	24/3/1997	TP. HCM		15TC-NL	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA ÔTÔ											
7	15000171	Đỗ Khắc	Huy	08/11/2000	TP. HCM		15TC-Ô	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
8	15002017	Thái Văn	Thắng	02/4/1999	Nghệ An		15TC-Ô	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
9	15000717	Nguyễn Trần Thanh	Tú	26/4/1997	TP. HCM		15TCT-Ô		X	X	
10	16003427	Vũ Tuấn	Anh	15/7/2000	Thanh Hóa		16TC-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
11	16001840	Trần Duy	Quang	20/5/1998	TP. HCM		16TC-Ô1	X	X		
12	16000738	Ngô Minh	Lợi	19/4/1998	TP. HCM		16TCT-Ô1		X		
13	16001891	Thi Đức	Quang	30/01/1998	TP. HCM		16TCT-Ô2	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
14	16000566	Đào Sơn	Nam	14/10/1999	TP. HCM		16TC-Ô1		X		
ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP											
15	15003032	Nguyễn Bá	Lập	02/01/1998	Bắc Ninh		15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
16	16001070	Trần Ngọc	Hiền	21/11/2001	TP. HCM		16TCN-ĐT	X			
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP											
17	16000455	Phạm Tuấn	Anh	23/01/2001	TP. HCM		16TCN-Đ		X		
18	16000454	Nguyễn Mạnh	Đức	22/10/2001	TP. HCM		16TCN-Đ		X		
19	16000555	Huỳnh Trí	Đại	23/9/2001	TP. HCM		16TCN-Đ		X		
20	16003786	Vũ Đăng	Khoa	26/8/1999	TP. HCM		16TCN-Đ		X		
21	15000059	Nguyễn Quốc Văn	Sơn	17/3/2000	TP. HCM		16TCN-Đ		X		

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
								C.trị	LT	TH	
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ LẠNH											
22	15001606	Trần Bách	Tùng	06/5/2000	TP. HCM		15TCN-LĐL1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
23	16000164	Nguyễn Quang	Lợi	26/12/2001	TP. HCM		16TCN-LĐL1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
CẮT GỌT KIM LOẠI											
24	16000097	Nguyễn Quốc	Anh	17/7/2001	TP. HCM		16TCN-CKL	X			
CÔNG NGHỆ ÔTÔ (TRUNG CẤP)											
25	15000122	Nguyễn Văn	Kha	09/4/2000	TP. HCM		15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
26	15002194	Nguyễn Phi	Long	13/02/2000	TP. HCM		15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
27	15000065	Phan Hồng	Phúc	05/3/2000	TP. HCM		15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
28	15000201	Huỳnh Đức	Tuấn	08/12/2000	TP. HCM		15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
29	15000034	Tạ Tiến	Trường	08/10/2000	TP. HCM		15TCN-Ô1		X		
30	16000014	Võ văn Huỳnh	Duy	21/7/2001	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
31	16000935	Bùi Xuân	Đường	02/01/2000	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
32	16001678	Nguyễn Trung	Hậu	20/7/2000	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
33	16000654	Võ Phú	Lộc	27/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu		16TCN-Ô1		X		
34	16002960	Lê Hoàng	Nam	13/9/1999	Đồng Tháp		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
35	16000449	Ngô Minh	Nhật	28/8/2001	Bình Dương		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
36	16000505	Lại Công	Tài	27/8/2001	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
37	16000333	Nguyễn Thanh	Tùng	21/8/2001	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
38	16000828	Phạm Anh	Tỷ	27/9/2001	TP. HCM		16TCN-Ô1	X			
39	16001815	Đinh Quý	Thanh	07/5/2001	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
40	16001128	Nguyễn Văn Ngọc	Thiện	03/5/2001	Đồng Tháp		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
41	16000176	Lê Nguyễn Trường	Thịnh	14/6/2001	Bến Tre		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
42	16003614	Trần Huy	Nam	02/9/2000	TP. HCM		16TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH											
43	15000102	Phùng Long	Ẩn	09/11/2000	TP. HCM		15TCN-QTM1	X	X	X	
44	15003399	Phạm Võ Quang	Duy	16/5/2000	TP. HCM		15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
45	15000166	Nguyễn Đăng	Đạt	24/8/2000	TP. HCM		15TCN-QTM1	X	X	X	
46	15000253	Phạm Nhật	Phong	04/7/2000	Quảng Ngãi		15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
47	15001875	Lê Nguyễn Nhật	Trường	22/10/2000	TP. HCM		15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
48	15001324	Nguyễn Xuân	Dũng	11/11/2000	Bình Phước		15TC-QTM	X	X	X	
49	16000160	Trần Chí	Bảo	10/12/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
50	16000647	Nguyễn Hoàng Quốc	Đạt	04/01/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
								C.trị	LT	TH	
51	16000634	Trần Thị Ánh	Giàu	01/9/2001	TP. HCM	X	16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
52	16000183	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/8/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
53	16002938	Lâu Quay	Kin	11/01/2000	Tiền Giang		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
54	16000268	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	28/02/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
55	16000951	Đồng Xuân	Oánh	04/12/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
56	16000189	Hoàng	Son	13/10/2001	TP. HCM		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
57	16000054	Nguyễn Thanh	Son	05/10/2001	Bến Tre		16TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
58	16000050	Đỗ Minh	Triết	19/9/2001	TP. HCM		16TC-QTM	X	X		
59	16002255	Lê Huỳnh Bá	Lộc	13/8/1998	TP. HCM		16TCT-QTM			X	
60	16000022	Dương Khánh	Trường	15/5/1998	TP. HCM		16TCT-QTM	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
61	16002762	Lê Thái	Văn	26/9/1997	Cà Mau		16TCT-QTM	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP											
62	16000194	Vũ Hồng Nhật	Hạ	05/6/2001	TP. HCM	X	16TCN-KTD		X		
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (TRUNG CẤP)											
63	16002461	Mộng Thùy	Dương	21/12/2001	TP. HCM	X	16TCN-QTD			X	
64	16000316	Đoàn Thị Thanh	Huyền	26/9/2001	Nam Định	X	16TCN-QTD	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
65	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	15/11/2000	TP. HCM		16TCN-QTD	X			
66	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	30/01/2001	TP. HCM	X	16TCN-QTD			X	
67	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	15/01/2001	TP. HCM	X	16TCN-QTD		X		
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (CAO ĐẲNG)											
68	16002224	Trần Thị Mỹ	Duyên	07/02/1998	Long An	X	16CĐN-QTD		X		
69	16002969	Võ Lê Kim	Giàu	30/5/1998	Tây Ninh	X	16CĐN-QTD		X		
70	16003742	Trần Thị	Mai	21/10/1998	Bình Phước	X	16CĐN-QTD		X		
71	16001921	Trần Đỗ Hồng	Phương	28/9/1998	Bình Phước	X	16CĐN-QTD		X	X	
72	16003221	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	25/02/1998	Bình Thuận	X	16CĐN-QTD		X		
73	16002590	Lương Hoàng Yến	Vy	04/3/1994	TP. HCM	X	16CĐN-QTD		X		
CÔNG NGHỆ ÔTÔ (CAO ĐẲNG)											
74	15001961	Nguyễn Đức	Anh	20/6/1996	Bình Phước		15CĐN-Ô	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
75	15003267	Lý Huỳnh Chí	Lương	25/01/1996	TP. HCM		15CĐN-Ô	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
76	16002362	Nguyễn Thanh	Bình	20/7/1996	Thanh Hóa		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
77	16003467	Phạm Duy	Bình	23/7/1997	Tây Ninh		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
78	16003357	Hoàng Minh	Chính	07/6/1998	Đắk Lắk		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
79	16000694	Nguyễn Thành	Đại	28/11/1997	Bình Định		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
80	16001110	Vũ Minh	Đức	04/10/1998	Cần Thơ		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
								C.trị	LT	TH	
81	16001391	Trần Duy	Hoan	12/7/1998	Bình thuận		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
82	16003416	Nguyễn Thái	Hoàng	06/12/1997	Bình Thuận		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
83	16001041	Nguyễn Gia	Huy	14/12/1997	TP. HCM		16CĐN-Ô1	X			
84	16003174	Trương	Tài	08/8/1997	Cần Thơ		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
85	16003286	Đới Xuân	Tuấn	26/5/1998	Đồng Nai		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
86	16000916	Phạm Thanh	Tuấn	11/9/1998	TP. HCM		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
87	16002568	Huỳnh Nhật	Tường	03/10/1995	Bến Tre		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
88	16003698	Hồ Minh	Thái	02/10/1998	Đồng Nai		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
89	16002663	Phạm Khắc	Thạo	14/3/1997	Nam Định		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
90	16003149	Nguyễn Thành	Trung	05/9/1998	Bến Tre		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
91	16003093	Nguyễn Hoàng	Vũ	07/5/1997	Bình Thuận		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
92	16001465	Nguyễn Hoàng	Vũ	20/6/1997	TP. HCM		16CĐN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK

Tổng cộng danh sách có 92 học sinh 

